

GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO SINH VIÊN, TỪ THỰC TIỄN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT TỈNH BÌNH DƯƠNG

TS. PHẠM BÍCH THỦY - ThS. PHẠM THỊ MAI*

1. Sự phát triển nhanh chóng của các lĩnh vực kinh tế - xã hội và giao lưu quốc tế đã và đang tạo ra những tác động đa chiều, phức tạp ảnh hưởng tới quá trình hình thành và phát triển nhân cách của thế hệ trẻ. Muốn thành công và sống có chất lượng trong xã hội hiện đại, con người phải có *kỹ năng sống* (KNS). KNS vừa mang tính xã hội vừa mang tính cá nhân. Giáo dục kỹ năng sống (GDKNS) trở thành mục tiêu và là một nhiệm vụ trong giáo dục (GD) nhân cách toàn diện cho sinh viên (SV).

Các trường đại học (ĐH) trên thế giới rất chú trọng GDKNS cho SV nhưng ở nước ta, việc giảng dạy bộ môn này mới chỉ dành cho học sinh tiểu học chứ SV chưa được tiếp cận. Việc thiếu hụt nghiêm trọng những kỹ năng (KN) cơ bản của cuộc sống sẽ khiến SV khi ra trường khó hòa nhập vào môi trường xã hội và thành công trong công việc.

2. Nhận thức được tầm quan trọng đó, Trường ĐH Thủ Dầu Một - tỉnh Bình Dương rất chú trọng công tác GDKNS và đã đưa môn học này vào giảng dạy lồng ghép trong nhà trường để SV được tiếp cận chuyên sâu hơn. Năm học 2011-2012, chúng tôi tiến hành khảo sát thực trạng KNS và GDKNS cho SV trong nhà trường dựa trên bảng điều tra 120 SV thuộc 3 ngành hệ cao đẳng: Ngoại ngữ, Sư phạm Văn và GD tiểu học. Nội dung khảo sát tập trung vào những KN sau: *học và tự học; thuyết trình; lãnh đạo; tổ chức công việc hiệu quả; đặt mục tiêu/tạo động lực làm việc; tư duy sáng tạo; giải quyết vấn đề và ra quyết định; giao tiếp ứng xử và tạo lập quan hệ; làm việc nhóm; phỏng vấn xin việc...* Kết quả cho thấy: Giữa giảng viên (GV) và SV có sự tương đồng trong đánh giá thứ tự tầm quan trọng của các KNS (ở tất cả các KN, Sig đều lớn hơn 0,05). Cả GV và SV đều cho rằng các KN *học và tự học, tư duy sáng tạo, thuyết trình, giao tiếp ứng xử và tạo lập quan hệ, làm việc nhóm...* là những KN quan trọng hơn cả. Ngược lại, KN *phỏng vấn xin việc* lại không được SV đánh giá

cao (xếp thứ 10). Điều này được lí giải là, đa số SV Trường ĐH Thủ Dầu Một (đặc biệt đối với ngành sư phạm) khi ra trường đều được UBND tỉnh phân công công tác nên họ không quan tâm nhiều đến KN này. Một KN khác cũng được đánh giá thấp là KN *đặt mục tiêu/tạo động lực làm việc*. Nhiều SV cho rằng, việc đặt mục tiêu như thế nào phụ thuộc rất nhiều vào tính cách của từng người. Trong 5 cấp độ mục tiêu: *rất cao, cao, vừa phải, thấp, rất thấp*, đa phần SV lựa chọn cấp độ *"vừa phải"* (80%). 12% ở cấp độ *"rất cao"* và 8% ở cấp độ *"cao"*. KN *tư duy sáng tạo* được cả GV và SV đánh giá cao vì đây là KN tạo sự khác biệt giữa các cá nhân, giúp mỗi cá nhân tự khẳng định giá trị của mình.

3. Phương pháp GDKNS cho SV

Bảng 1. Mức độ tham gia của SV vào các hoạt động rèn luyện KNS

Các hoạt động rèn luyện KNS	Mức độ tham gia				
	Không bao giờ	Ít khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
<i>Các hoạt động ngoại khóa</i>					
Lớp học tập huấn KNS	41,5	56,4	2,1	0	0
Các hoạt động sinh hoạt tập thể	0	12,8	40,4	40,4	6,4
Các hoạt động xã hội, tình nguyện	0	12,8	40,4	38,3	8,5
Lồng ghép kiến thức GDKNS trong các môn học do GV tổ chức trên lớp	20,4	34,4	38,7	6,5	
<i>Học môn GDKNS riêng biệt</i>					
Nghe giảng và ghi chép	100				
Thông qua các trò chơi nhỏ có lồng ghép các bài giảng về KN	100				
Lồng ghép vào việc học tập chuyên môn (seminar, đề tài nghiên cứu)	100				
Thảo luận nhóm	100				
Thuyết trình	100				

Trong số 9 hoạt động rèn luyện KNS cơ bản nêu trên, đáng lưu ý là, hoạt động *tham gia lớp tập huấn về KNS* có tới 56,4% SV *"ít khi tham gia"* và 41,5% *"không bao giờ tham gia"*; hoạt động *"tham gia các tiết học trên lớp có lồng ghép kiến thức GDKNS"* có 93,5% lựa chọn cấp độ từ *"không bao giờ"* đến *"thỉnh*

* Khoa Khoa học giáo dục, Trường Đại học Thủ Dầu Một

thoảng'. Không có SV nào tham gia học môn GDKNS (dưới hình thức môn học riêng biệt) vì hiện nay chương trình đào tạo của Trường ĐH Thủ Dầu Một ở tất cả các mã ngành chưa có môn GDKNS.

Bảng 2. Đánh giá của SV và GV về tính hiệu quả của các hình thức rèn luyện KNS

Các hình thức rèn luyện KNS	Đối tượng	Không hiệu quả	Ít hiệu quả	Hiệu quả trung bình	Hiệu quả cao	Hiệu quả rất cao
Các hoạt động ngoại khóa						
Lớp học tập huấn KNS	GV			31,6	52,6	15,8
	SV		4,3	13,8	54,3	27,7
Các hoạt động sinh hoạt tập thể	GV			21,1	57,9	21,1
	SV		9,6	22,3	41,5	26,6
Các hoạt động xã hội, tình nguyện	GV			15,8	42,1	42,1
	SV		2,1	16,0	40,4	41,5
Lồng ghép kiến thức và KNS trong môn học	GV			15,8	52,6	31,6
	SV		12,8	37,2	41,5	8,5
Học môn GDKNS riêng biệt						
Nghe giảng và ghi chép	GV	21,1	47,4	31,6		
	SV	19,1	39,4	40,4	1,1	
Thông qua trò chơi có lồng ghép KNS	GV			26,3	63,2	10,5
	SV	3,2	10,6	29,8	42,6	13,8
Lồng ghép vào học chuyên môn (đề tài NC, seminar)	GV		5,3	47,4	42,1	5,3
	SV	7,4	11,7	52,1	27,7	1,1
Thảo luận nhóm	GV		5,3	57,9	26,3	10,5
	SV		16,0	33,0	51,1	
Thuyết trình	GV			31,6	52,6	15,8
	SV	2,1	12,8	21,3	58,5	5,3

Đa số GV và SV đều đánh giá các hoạt động như: *lớp tập huấn KNS, hoạt động sinh hoạt tập thể, hoạt động xã hội, tình nguyện...* mang lại hiệu quả cao trong quá trình rèn luyện cho SV. Các hình thức khác như *thuyết trình, thảo luận nhóm, trò chơi có lồng ghép KNS...* được đánh giá hiệu quả ở mức "trung bình"; hình thức *nghe giảng và ghi chép bài* được đánh giá là "ít hiệu quả". Có thể thấy, sự đánh giá của GV và SV về hiệu quả của các hình thức này không có sự khác biệt. Đối với hình thức *lồng ghép kiến thức và KNS vào môn học*, đa số GV đánh giá là có *hiệu quả cao và rất cao* (84,2%) nhưng SV chỉ đánh giá ở mức *trung bình và ít hiệu quả* (50%). Như vậy, có sự khác biệt rõ rệt giữa ý kiến của GV và SV về hình thức này (Tính trên bảng số liệu phần mềm SPSS ta có Sig = 0,001 < 0,05). Ngược lại, đối với hình thức *lồng*

ghép vào học chuyên môn có sự khác biệt giữa ý kiến của GV và SV nhưng không đáng kể.

4. Các yếu tố ảnh hưởng tới việc GDKNS của SV

Trong 8 yếu tố ảnh hưởng tới việc GDKNS của SV: *không có tài liệu; không biết nên đọc tài liệu nào; tài liệu nặng về lí thuyết, không có tính ứng dụng; không có lớp học nào được tổ chức, các lớp học được tổ chức nhưng không phù hợp với điều kiện; không biết bắt đầu từ đâu và rèn luyện như thế nào; nhà trường chưa tổ chức các hoạt động phong phú để SV tham gia; không được học môn riêng về GDKNS...* yếu tố gây nhiều khó khăn nhất đến việc GDKNS của SV là *tài liệu nặng về lí thuyết, không có tính ứng dụng* (17,2%), tiếp đến là *"SV không biết rèn luyện từ đâu và rèn luyện như thế nào"* (15,9%), *"nhà trường chưa có môn GDKNS riêng, độc lập dành cho SV"* (12,7%) và *"chưa tổ chức các hoạt động phong phú để SV tham gia"* (12,5%)... Kết quả khảo sát cho thấy, Bộ GD-ĐT phải có bộ tài liệu thống nhất cũng như chương trình, hoạt động cụ thể hướng dẫn SV rèn luyện KNS.

5. Một số biện pháp GDKNS cho SV ở Trường ĐH Thủ Dầu Một

1) **Lãnh đạo nhà trường xác định GDKNS là mục đích của GD**, theo đó, tất cả các môn học, các hoạt động GD trong nhà trường đều hướng đến mục đích là GDKNS cho SV. KNS được xác định là một trong những chuẩn đầu ra của sinh viên tốt nghiệp. Có như vậy, GDKNS cho SV mới được thực hiện một cách thường xuyên, liên tục (cả về thời gian và không gian), nhờ đó các mục tiêu về GDKNS cho SV mới đạt được ở mức độ cao. Các KNS được giảng dạy trong nhà trường đều được xác định trên cơ sở khoa học, dựa trên yêu cầu thực tiễn của các doanh nghiệp sử dụng nhân lực, đặc trưng văn hóa địa phương.

2) **Tạo sự đồng thuận chung trong toàn trường để mọi thành viên ở những cương vị khác nhau đều có thể tham gia vào từng khâu GDKNS cho SV**. Nhờ có vậy, mới huy động được sức mạnh tổng hợp nhằm đạt hiệu quả cao trong công tác GDKNS. Để tạo sự đồng thuận chung, trường đã đưa ra quy chế, nội quy riêng của toàn trường và của từng đơn vị. Trong các cuộc họp, hội thảo bàn về nội dung chương trình đào tạo, phương thức đào tạo..., lãnh đạo nhà trường đều quán triệt quan điểm tăng cường GDKNS cho SV đối với lãnh đạo các đơn vị. Đặc biệt, khi SV của các khoa giành được những giải thưởng trong các

cuộc thi thể hiện tài năng, KNS thì vai trò của lãnh đạo khoa, của GV của các khoa đó được đánh giá rất cao. Điều đó tạo cú hích thi đua giữa các khoa trong việc rèn luyện KNS cho SV.

3) Lồng ghép các nội dung GDKNS vào các môn học có ưu thế hoặc các hoạt động GD khác.

Sở dĩ, Trường ĐH Thủ Dầu Một lựa chọn phương án lồng ghép chứ không phải là xây dựng môn học riêng biệt là vì chúng tôi cho rằng, do KNS được hình thành và phát triển thông qua trải nghiệm và gắn liền với hoạt động sống của SV nên việc GDKNS cho SV theo phương án hình thành một môn học riêng là ít khả thi, kém hiệu quả. SV được học 50, thậm chí 100 tiết về KNS cũng chưa chắc đã đạt được những KNS cần thiết, có những hành vi phù hợp, có KN thích ứng với cuộc sống.

Phương thức lồng ghép cũng đã được thực hiện với một số nội dung GD cần cập nhật vào chương trình GD như GD dân số, GD môi trường... Tuy nhiên trong GDKNS, phương thức này cũng không mang lại hiệu quả cao. Những khó khăn khi thực hiện theo phương thức này là: xác định các môn học để lồng ghép; đảm bảo nội dung GDKNS đã được lồng ghép.

Như vậy, việc xác định xây dựng thành môn học riêng hay môn học lồng ghép còn phụ thuộc vào các ngành học khác nhau. Ngành học cũng cần xác định cả nội dung đề cương chi tiết môn học, những KNS cần phải GD cho SV các ngành khác nhau. Riêng đối với ngành giáo dục tiểu học, giáo dục mầm non và giáo dục học thi GDKNS là môn học bắt buộc với số tín chỉ là 3 (2 lí thuyết, 1 thực hành). Đồng thời, nhà trường còn mời đại diện các doanh nghiệp giảng dạy, tư vấn hoặc thiết kế môn trong chương trình đào tạo để tích lũy vốn sống cho SV.

4) Trao quyền cho Trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ xây dựng kế hoạch, nội dung giảng dạy KNS cho SV dưới hình thức tập huấn, hội thảo, trại hè... Trong đó, quy định rõ trách nhiệm: trung tâm tự chủ về tài chính, nhà trường quản lí, giám sát chất lượng. Hiện nay, trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ của trường đã triển khai hoạt động tập huấn. GV đến từ các khoa kinh tế, giáo dục của trường cũng như các chuyên gia ở các trường CĐ - ĐH, các doanh nghiệp. Năm 2011, hội thảo "GDKNS cho SV" đã được tổ chức, thu hút sự tham gia của hơn 20 trường CĐ, ĐH khu vực phía Nam.

5) Phát huy tối đa vai trò của các đoàn thể trong GDKNS cho SV. Các đoàn thể cần tổ chức các hoạt động đa dạng phong phú, hấp dẫn lôi cuốn để thu hút SV tham gia, qua đó, nâng cao tính chủ động, sáng tạo cho SV. Mặt khác, nhà trường xây dựng nhiều CLB, đội, nhóm tạo sân chơi rộng rãi cho SV tham gia sinh hoạt theo sở thích, khả năng của mình, đặc biệt là các CLB học thuật, CLB tài năng trẻ; tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề...

6) Đào tạo một lực lượng GV tâm huyết, hiểu rõ sự cần thiết của chương trình GDKNS cho học sinh, được tập huấn một cách bài bản cũng như phương thức tuyên truyền, truyền đạt và giảng dạy hiệu quả cao. GV giảng dạy KNS cần có KN, kiến thức sâu, rộng và bản thân phải là tấm gương về đạo đức, lối sống. Ở nhiều trường, lực lượng GV này thường xuất phát từ chuyên ngành tâm lí - giáo dục. Tuy nhiên, để tạo sự đa dạng và chuyên sâu trong chuyên môn, trường đã mời các GV từ các khoa khác, đặc biệt là xã hội nhân văn, kinh tế tham gia giảng dạy.

7) Biên soạn tài liệu giảng dạy, chương trình đào tạo KNS theo chương trình của các quốc gia tiên tiến để kế thừa những kinh nghiệm sẵn có và áp dụng vào thực tiễn của trường. Tài liệu GDKNS bảo đảm tính có hệ thống, không bị chắp vá, nội dung GD thiết thực để đạt được mục tiêu GD toàn diện. Biên soạn bộ giáo trình, tài liệu tham khảo phù hợp với ngành học.

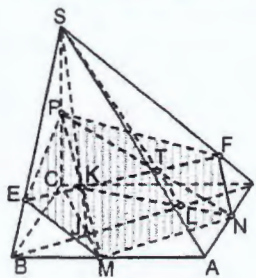
8) Tăng cường kiểm tra, đánh giá quá trình học tập, rèn luyện về KNS của SV qua đó, kịp thời bổ sung, uốn nắn những hạn chế của SV. Hình thức kiểm tra, đánh giá hiệu quả nhất là chính là thông qua những biểu hiện về KNS của SV trong thời gian học tập ở nhà trường, thông qua sự đánh giá của các nhà tuyển dụng và sử dụng lao động sau khi tốt nghiệp.

9) Xây dựng môi trường GD lành mạnh, thuận lợi, sao cho người học có thể chủ động, tích cực, phát triển kĩ năng và vận dụng những điều đã học vào cuộc sống. Tạo điều kiện cơ sở vật chất như có sân trường, nơi luyện tập và giao lưu văn nghệ, thể thao, cơ sở thực hành... để SV rèn luyện KNS.

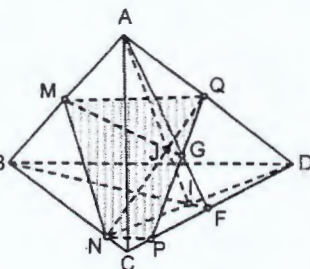
10) Triển khai các hoạt động động viên, cổ vũ SV tham gia các hoạt động GDKNS. Tính tự giác, ý thức chủ động của SV vẫn là vấn đề chủ yếu để họ

(Xem tiếp trang 47)

Bài tập 2: Cho hình tứ diện ABCD. Gọi M là trung điểm của cạnh AB và G là trọng tâm của tam giác ACD. N là một điểm bất kì thuộc cạnh BC. Xác định thiết diện khi cắt tứ diện bởi mặt phẳng (MNG) (lời giải được thể hiện như hình 8).



Hình 7



Hình 8

3. Trong quá trình thực hiện các hoạt động học tập theo quy trình xác định thiết diện như đã trình bày ở trên, HS đã được đóng vai trò là người khám phá ra phương pháp xác định thiết diện mới do quy trình xác định thiết diện cũ không thể áp dụng được; các em được chủ động thực hiện các hoạt động, xuất hiện nhu cầu được giao tiếp và tranh luận, sử dụng các mối quan hệ liên thuộc trong không gian để xác định thiết diện. Hoạt động xác nhận được thực hiện khi quy trình mới được áp dụng vào ngay bài tập cũ, từ đó, HS biết vận dụng linh hoạt vào các bài toán tìm thiết diện trong hình học không gian.

(1) Nguyễn Tiến Trung. *Rèn luyện kỹ năng giải các bài toán thiết diện của các hình không gian trong chương trình hình học 11 trung học phổ thông*. Luận

văn thạc sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2006.

Tài liệu tham khảo

1. Bùi Văn Nghị. **Giáo trình Phương pháp dạy học những nội dung cụ thể môn Toán**. NXB Đại học sư phạm, H. 2008.
2. Bùi Văn Nghị. **Vận dụng lý luận vào thực tiễn dạy học môn toán ở trường phổ thông**. NXB Đại học sư phạm, H. 2009.
3. Annie Bessot - Claude Comiti - Lê Thị Hoài Châu - Lê Văn Tiến. **Những yếu tố cơ bản của didactic toán, sách song ngữ Việt - Pháp**. NXB Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2009.
4. Guy Brousseau. *Theory of Didactical situations in mathematics*. Volume 19, Kluwer Academic Publishers, 2002.
5. Virginia M. Warfield. *Invitation to Didactique, University of Washington*, Seattle, Washington, 2006.
6. Đoàn Quỳnh (tổng chủ biên). **Hình học 11** (nâng cao). NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2010.

SUMMARY

Defining plane section problem is common problem in Geometry 11th grade. Skills in solving above problem is important for students. There are other processes required and can equip students in the process of solving problems related to the cross section, which is the process of defining a set from the radial projection or the alignment method. In solving some simple educational problems, in an order intended pedagogy, along with the proper guidance of teachers, students will explore and create an algorithm to define pyramid's plane (the radial projection or the alignment method). By the way of the teaching situation, students play role of knowledge creators through situations and applying that knowledge to solve some same problems.

Giáo dục kỹ năng sống...

(Tiếp theo trang 26)

có thể trang bị những KNS cơ bản nhất cho mình. Nếu họ tự giác nhận thức được KNS là mục tiêu quan trọng giúp SV bước vào đời, họ sẽ tự tìm cách học hỏi theo con đường hiệu quả nhất. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thanh Bình - Nguyễn Kim Dung - Lưu Thu Thủy - Vũ Thị Sơn. **Những nghiên cứu và thực hiện chương trình giáo dục kỹ năng sống ở Việt Nam**. Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, H. 2003.
2. Lê Minh Châu. "UNICEF Việt Nam và giáo dục kỹ năng sống cho thanh thiếu niên". Báo cáo tại Hội

thảo "Chất lượng giáo dục và kỹ năng sống" từ 23-25/10/2003, H. 2003.

3. Nguyễn Đình Chính. **Chuẩn bị cho sinh viên làm công tác giáo dục ở nhà trường phổ thông**. NXB Giáo dục, H. 1998.
4. Huỳnh Văn Sơn. **Bạn trẻ và kỹ năng sống**. NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2009.

SUMMARY

Life skills education for students is an important task in the curriculum of university today. Thu Dau Mot University has been implementing various measures of life skills education for students. However, in the implementation process also encountered many difficulties. The efficiency is not high. It requires a shared consensus of teachers, learners and managers.